TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 08-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Thanh Quang.
Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Thị Kim H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tự do (tại phiên tòa bị cáo khai không có nghề nghiệp); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (L) (chết) và bà Lê Thị H1; chung sống như vợ chồng với người khác, có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: 01, ngày 24/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tuyên phạt 09 tháng tù, ngày 28/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tuyên phạt 01 năm tù và tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 04/02/2023; nhân thân: Ngày 16/4/2021, Công an phường A, thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đã hết thời hiệu; Ngày 22/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam: Ngày 14/02/2024; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Trần Văn L, sinh ngày 01/01/1962; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Phạm Văn C, sinh ngày 01/01/1968; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/01/1965; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4. Bùi Chung H2, sinh ngày 01/01/1994; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Văn N1, sinh ngày 20/9/1988; nơi cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Võ Minh N2, sinh ngày 24/6/2002; nơi cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài, nên vào khoảng 06 giờ ngày 09/01/2024, Lê Thị Kim H đi xe buýt đến bến phà T - V (một bên bờ thuộc huyện H, tỉnh Đồng Tháp và một bên bờ thuộc thị xã T, tỉnh An Giang) để tìm tài sản lấy trộm. Trong lúc Huôi chờ phà qua tỉnh An Giang thì có một người tên T1 (không rõ họ, địa chỉ) đến làm quen, trò chuyện. T1 rủ H tìm tài sản người dân sơ hở lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Lúc này, khoảng 10 giờ cùng ngày, T1 sử dụng xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu xanh (không rõ biển số) chở H đến nhà ông Trần Văn L, thuộc ấp A, xã T, thấy có một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7+, màu đen, để dưới nền nhà đang sạc pin không có ai trông coi, nên T1 dừng xe đi vào nhà lấy trộm điện thoại, còn H ngồi trên xe cảnh giới, khi lấy được điện thoại, T1 đưa cho H cất giữ. Tiếp tục, T1 điều khiển xe chở H qua phà V (thuộc địa phận ấp B, xã V, thị xã T). Tại đây, T1 và H phát hiện căn nhà mở cửa không có người trông coi, nên T1 dừng xe, T1 ngồi trên xe cảnh giới, còn H đi vào nhà để tìm tài sản lấy trộm, thì bị lực lượng Công an xã V phát hiện mời Huôi về làm việc, còn T1 điều khiển xe bỏ chạy. Tại Công an xã V, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản tại xã T. Công an xã V đã chuyển toàn bộ

hồ sơ cho Công an xã T xác minh theo thẩm quyền. Qua xác minh Huôi có tiền án trộm cắp tài sản chưa xóa án tích, có dấu hiệu phạm tội trộm cắp tài sản nên chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để điều tra theo thẩm quyền. Trong quá trình thụ lý tin báo, H tiếp tục thực hiện các lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 06 giờ ngày 01/02/2024, H đi qua phà M đến ấp P, xã P, huyện H, tìm tài sản để lấy trộm. Khi thấy nhà của bà Nguyễn Thị N mở cửa và không có người trông coi nên H đi vào nhà lấy trộm một điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9, màu đen cất giấu vào túi quần. Huôi tiếp tục đi bộ đến ấp L, xã L, huyện H thấy nhà anh Bùi Chung H2 mở cửa trong nhà không ai trông coi, H đi vào nhà anh H2 lấy trộm một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh. Sau khi lấy trộm được tài sản, H đem bán tại cửa hàng điện thoại di động "THUẬN LOAN" ở thành phố H với giá 400.000 đồng, tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 06 giờ ngày 03/02/2024, H đi đến ấp C, xã T, huyện H, thấy nhà anh Phạm Văn C không ai trông coi, H lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu đen và một điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi Note 6 Pro, màu đen. H đem bán 02 điện thoại tại cửa hàng điện thoại di động "THUẬN LOAN" ở thành phố H, với giá 700.000 đồng, tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động Samsung J7+, màu đen; 01 (một) điện thoại di động S A52S 5G, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 6 Pro, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9, màu đen; Tất cả đều đã qua sử dụng, là tài sản bị mất trộm của các bị hại. Ngày 29/02/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản lại cho các bị hại gồm ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N, Phạm Văn C.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, không thu hồi được do anh Nguyễn Văn N3 nhân viên cửa hàng điện thoại di động "THUẬN LOAN" bán cho người khác (không biết họ tên, địa chỉ) với số tiền 300.000 đồng, tự nguyện giao nộp lại tiền.

Kết luận định giá tài sản số 06/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 24/01/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7+, màu đen (đã qua sử dụng), trị giá 300.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 12/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 29/02/2024, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9, màu đen (đã qua sử dụng), trị giá 500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh (đã qua sử dụng), trị giá 300.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu đen (đã qua sử dụng), trị giá

3.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 6 Pro, màu đen (đã qua sử dụng), trị giá 300.000 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 19/CT-VKSHN ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H từ 15 đến 18 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản".

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng, do bị hại Bùi Chung H2 không yêu cầu nhận lại; buộc Lê Thị Kim H nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 1.100.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận được tài sản và người liên quan đã tự nguyện làm đơn không yêu cầu bồi thường. Đối với anh Bùi Chung H2 mất điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, không thu hồi được, không nhận lại số tiền 300.000đ và không yêu cầu gì thêm.

Đối với việc H trình bày cùng với người tên T1 (không rõ họ, địa chỉ) hiện nay chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

Đối với Võ Minh N2 và Lê Văn N1, trực tiếp mua điện thoại của H, không biết tài sản Huôi bán là do trộm được mà có, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

Bị cáo H không bào chữa, tranh luận; lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để về nuôi gia đình.

Bị hại Chớ đề nghị xét xử bị cáo đúng quy định pháp luật, cho bị cáo có thời gian hối cải thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Kim H khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản là các điện thoại đã qua sử dụng của các bị hại, gồm: Trần Văn L, điện thoại Samsung J7+, trị giá 300.000 đồng; Nguyễn Thị N, điện thoại Redmi 9, trị giá 500.000 đồng; Bùi Chung H2, điện thoại OPPO, trị giá 300.000 đồng; Phạm Văn C, điện thoại Samsung Galaxy A52S 5G, trị giá 3.000.000 đồng và điện thoại Redmi Note 6 Pro, trị giá 300.000 đồng; Tổng cộng: 4.400.000 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị Kim H phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về nhân thân: Từng có 01 tiền sự. Ngày 22/02/2024, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xem xét để đảm bảo xét xử bị cáo với mức hình phạt trong khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[7] Tiền án: Có 01 tiền án, Viện kiểm sát làm căn cứ để truy tố theo điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[9] Trong vụ án này, bị cáo H nhiều lần trộm cắp tài sản, nhưng chỉ có 01 lần trộm 02 điện thoại của bị hại Chớ, trị giá 3.300.000 đồng, các lần còn lại đều dưới 2.000.000 đồng. Viện kiểm sát áp dụng tình tiết "*Đã bị kết án về tội này"* để truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Do tình tiết này đã được quy định là dấu hiệu định tội thì không được coi là tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS mà Viện kiểm sát đề nghị.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổng định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[12] Về vật chứng: Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[15] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Kim H phạm "Tội trộm cắp tài sản".

1.2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 02 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đang quản lý theo Biên lai thu tiền số 0002119 ngày 03 tháng 4 năm 2024.

2.2. Buộc bị cáo Lê Thị Kim H nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Thị Kim H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 5 năm 2024). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú